

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **108153088261** Số tờ khai đầu tiên / **108153088261**
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **2** Mã loại hình **A11 1 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **0306**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **HQTSNHAT** Mã bộ phận xử lý tờ khai Thời hạn tái nhập/ tái xuất **00**
 17/04/2026 08:38:05 23/04/2026 18:10:46



Người xuất khẩu
 Mã
 Tên
 Mã bưu chính
 Địa chỉ

Mã nước
 Người ủy thác xuất khẩu
 Đại lý Hải quan

Mã nhân viên Hải quan

Số vận đơn	Địa điểm lưu kho	02BIA03	KHO TCS
1	Địa điểm dỡ hàng	VNSGN	HO CHI MINH
2	Địa điểm xếp hàng	CAYHZ	HALIFAX APT - NS
3	Phương tiện vận chuyển		
4	Ngày hàng đến		KE0389/17APR
5	Ký hiệu và số hiệu		17/04/2026
Số lượng		60	PK
Tổng trọng lượng hàng (Gross)		1.050	KGM
Số lượng container			
	Ngày được phép nhập kho đầu tiên		
	Mã văn bản pháp quy khác		##12026##

Số hóa đơn **A - 22639**
 Số tiếp nhận hóa đơn điện tử
 Ngày phát hành **15/04/2026**
 Phương thức thanh toán **KC**
 Tổng trị giá hóa đơn **A - CPT - CAD-**
 Tổng trị giá tính thuế
 Tổng hệ số phân bổ trị giá **-**
 Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu

1	VY03 - 3029/GPNK-TSKN	2	-	3	-
4	-	5	-		
Mã phân loại khai trị giá	6				
Khai trị giá tổng hợp					
Các khoản điều chỉnh					
Phí vận chuyển	- -				
Phí bảo hiểm	D - -				
Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh		Tổng hệ số phân bổ	
1	-	-			
2	-	-			
3	-	-			
4	-	-			
5	-	-			

Chi tiết khai trị giá
 phương thức thanh toán: **KC**.

Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng			
1	VND	Tổng tiền thuế phải nộp		VND	
2	VND	Số tiền bảo lãnh		VND	
3	VND	Tỷ giá tính thuế	CAD	-	18.699,09
4	VND			-	
5	VND			-	
6	VND	Mã xác định thời hạn nộp thuế	D	Người nộp thuế	1
		Mã lý do đề nghị BP		Phân loại nộp thuế	A
		Tổng số trang của tờ khai	3	Tổng số dòng hàng của tờ khai	1

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **108153088261** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra ² Mã loại hình A11 1 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 0306
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai Mã bộ phận xử lý tờ khai 00
 Ngày đăng ký 17/04/2026 08:38:05 HQTSNHAT 23/04/2026 18:10:46 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

Số định kèm khai bao điện tử 1 - 2 - 3 -
 Phần ghi chú Hợp đồng số: TS-PLF-2026-05 ngày 10/02/2026, C/O FORMCPTPPSỐ: 22639 ngày 15/04/2026

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp Ngày thay đổi đăng ký Số quản lý người sử dụng 00265
 Phân loại chỉ thị của Hải quan A

	Ngày	Tên	Nội dung
1	17/04/2026	BAO QUAN	MANG HÀNG VỀ THEO GVC SỐ00213/CN-VCTS NK NGÀY 17/04/2026
2	20/04/2026	KQKD	GCN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐVTSNK SỐ: 00071/CN-TSNK . NGÀY 20/04/2026.
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

Mục thông báo của Hải quan
 Tên trưởng đơn vị Hải quan Trường Hải quan CKSBQT Tân Sơn Nhất
 Ngày cấp phép 23/04/2026 18:11:39
 Ngày hoàn thành kiểm tra 23/04/2026 18:11:39
 Phân loại thẩm tra sau thông quan
 Ngày phê duyệt BP / /
 Ngày hoàn thành kiểm tra BP / /
 Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu
 Tổng số tiền thuế chậm nộp

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)	Địa điểm	Ngày đến	~	Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1	/ /	~	/ /
	2	/ /	~	/ /
	3	/ /	~	/ /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế		/ /		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **108153088261** Số tờ khai đầu tiên /
 Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
 Mã phân loại kiểm tra **2** Mã loại hình **A11 1 [4]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **0306**
 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai Mã bộ phận xử lý tờ khai **00**
 Ngày đăng ký **17/04/2026 08:38:05 HQTSNHAT** **23/04/2026 18:10:46** Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<01>
 Mã số hàng hóa **03063220** Ngày thay đổi đăng ký Mã phân loại tái xác nhận giá[]
 Mã tả hàng hóa **Tôm hùm sống LIVE LOBSTER (Homarus americanus), grade B, đầu mềm, size: 0.5-3.0 kgs, tôm dùng làm thực phẩm.** Mã quản lý riêng

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	817	KGM
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	817	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	CAD	KGM
Trị giá tính thuế(S)	Trị giá tính thuế(M)	-	
Số lượng tính thuế	Đơn giá tính thuế	-VND	- KGM
Thuế suất C 0% -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế	Nước xuất xứ	CA - CANADA -B21	
Số tiền miễn giảm	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuê GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VB901
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND	VK010	SP CÂY, RUNG TRONG, CHAN
	Số tiền miễn giảm	VND		NUOI, THUY SAN NUOI TRONG, DANH BAT
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

**AQUATIC ANIMAL HEALTH CERTIFICATE /
 CERTIFICAT D'HYGIÈNE DES ANIMAUX AQUATIQUES**

**FOR THE EXPORT OF LIVE AQUATIC ANIMALS INTENDED FOR HUMAN CONSUMPTION
 FROM CANADA TO VIETNAM / POUR L' EXPORTATION DES ANIMAUX AQUATIQUES
 VIVANTS POUR CONSOMMATION HUMAINE DU CANADA VERS VIËTNAM**

SECTION 1 - ORIGIN OF AQUATIC ANIMALS / ORIGINE DES ANIMAUX AQUATIQUES

Country of Export / Pays exportateur : **CANADA / CANADA**
 Issuing Authority / Autorité émettrice : **CANADIAN FOOD INSPECTION AGENCY /
 AGENCE CANADIENNE D'INSPECTION DES ALIMENTS**
 Name and Address of Consignor / Nom et adresse de l'expéditeur :

SECTION 2 - DESTINATION OF AQUATIC ANIMALS / DESTINATION DES ANIMAUX AQUATIQUES

Country of Destination / Pays de destination : **VIETNAM / VIËTNAM**
 Name and Address of Consignee / Nom et adresse du destinataire :
Tin Son Trading Co., LTD 538-540-542 Vo Van Kiet ,Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

SECTION 3 - TRANSPORT INFORMATION / INFORMATION SUR LE TRANSPORT

Transport means and identification / Air transport AWE
 Moyens et identification de transport : (flight / vol #, waybill # / numéro de lettre de transport)

SECTION 4 - DESCRIPTION OF CONSIGNMENT / DESCRIPTION DE L'ÉXPEDITION

SPECIES / L'ESPÈCE :

Common name / nom commun :	Scientific name / nom scientifique :	Net weight / poids net :	Lot identifier / Date code / identification du lot / datage :	Number of packages / nombre de colis :
LIVE LOBSTER	HOMARUS AMERICANUS	Kg(s)	April 15,2026 FAO AREA 21	60
*****	*****	***** Kg(s)	*****	*****
*****	*****	***** Kg(s)	*****	*****
*****	*****	***** Kg(s)	*****	*****
*****	*****	***** Kg(s)	*****	*****

Inspector Initials /
 Initiales de l'inspecteur



SECTION 5 - HEALTH INFORMATION / INFORMATION SUR L'ÉTAT SANITAIRE

I, the undersigned certifying official hereby certify that / Je soussigné, à titre de l'agent de certification, certifie ce qui suit :

"These live aquatic animals are packaged and labelled for direct retail sale and human consumption only and are not intended for further processing or placing into water bodies in Vietnam. / Ces animaux aquatiques vivants sont emballés et étiquetés pour la vente de détail et la consommation humaine et non pour une transformation ultérieure ou leur intégration à des plans d'eau au Vietnam."

"These live aquatic animals were harvested from water bodies not subject to any harvest restrictions as a result of infectious diseases listed in the OIE Aquatic Animal Health Code. / Ces animaux aquatiques vivants ont été récoltés dans des plans d'eau qui ne sont soumis à aucune restriction à l'égard des maladies infectieuses figurant dans le Code sanitaire pour les animaux aquatiques de l'OIE."

"These live aquatic animals are safe and fit for human consumption. / Ces animaux aquatiques vivants sont salubres et propres à la consommation humaine."

"The transport container is new and clean or disinfected if previously used. / Le conteneur de transport est neuf et propre ou, s'il a déjà été utilisé, a été désinfecté."

Done at / Yarmouth Nova Scotia CANADA on / April 13, 2026 / fait à : (Place / lieu) sur : Date / date

Name and position of Certifying Official / Nom et position de l'agent de certification : LORRIE CHUTE, INSPECTOR

Official stamp / Cachet officiel :



Signature of Certifying Official / Signature de l'agent de certification : [Handwritten signature]



Mẫu: 11 TS

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU**
Số: 00071/CN-KDTSNK

ORIGINAL

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện): **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÍN SƠN**
Địa chỉ giao dịch: 538-540-542 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: Di động: Fax:

Có nhập khẩu số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/ Dạng sản phẩm	Số lượng/ Trọng lượng
01	Tôm hùm	<i>Homarus americanus</i> Số KBKD: 064/SBN-TS AWB:	0,5 - 3 (kg/con)	817 Kg
Tổng số				817 Kg

Mục đích sử dụng: Kinh doanh thực phẩm.

Quy cách đóng gói/bảo quản: Thùng

Số lượng bao gói: 60

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

CANADA

Vùng/nước xuất khẩu: CANADA Nước quá cảnh: KOREA

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: Sân bay Tân Sơn Nhất

Thời gian nhập: 17/4/2026

Hồ sơ giấy tờ có liên quan: - Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y;
- Chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu.

Nơi chuyển đến: 538-540-542 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh.

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản trên:

1/ Có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ hợp lệ khi nhập khẩu;

2/ Động vật thủy sản không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm/Sản phẩm động vật thủy sản không có biểu hiện biến đổi, mang mầm bệnh; được bao gói, bảo quản đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

3/ Số hàng trên trên đã được lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm theo kết quả xét nghiệm số:

Ngày _____ của _____ (gửi kèm bản sao, nếu có).

4/ Số hàng trên đáp ứng các yêu cầu sau: Toàn đàn còn lại hoàn toàn khỏe mạnh.

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng _____ nồng độ

Giấy có giá trị đến ngày 19/6/2026

Cấp tại Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20/4/2026

Kiểm dịch viên động vật

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

[Handwritten signature]



BSTY. NGUYỄN NGỌC QUÝ

**PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG
DIỆP QUỐC TRƯỜNG**